BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2019/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019

THÔNG TƯ
Quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước để điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường để đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ phù hợp, đáp ứng yêu cầu cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất là kết quả tổng hợp của các chỉ tiêu thể hiện mức độ hài lòng của người sử dụng đối với dịch vụ.

2. Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất là các nội dung, yêu cầu mà đối tượng cung ứng dịch vụ phải đáp ứng để thỏa mãn mong muốn của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ.

3. Chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất là mức độ yêu cầu và điều kiện về một khía cạnh cụ thể của tiêu chí đánh giá.

4. Sản phẩm của quá trình cung cấp dịch vụ công điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất gồm: Tài liệu thu thập liên quan, hệ thống phiếu điều tra, báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường các cấp.

Chương II
TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VỀ ĐIỀU TRA THU THẬP THÔNG TIN XÂY DỰNG, ĐIỀU CHỈNH KHUNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

Điều 4. Tiêu chí đánh giá

1. Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Tiêu chí 2: Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

3. Tiêu chí 3: Nhân lực thực hiện hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

4. Tiêu chí 4: Tuân thủ quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

5. Tiêu chí 5: Thông tin, dữ liệu điều tra.

6. Tiêu chí 6: Thái độ phục vụ trong quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

7. Tiêu chí 7: Sản phẩm của dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

Điều 5. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 1

1. Chỉ số đánh giá:

a) Thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

b) Kinh nghiệm cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; giấy phép, đăng ký kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ;

b) Kinh nghiệm cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất được xác nhận bằng hồ sơ năng lực của tổ chức cung ứng dịch vụ.

Điều 6. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 2

1. Chỉ số đánh giá:

a) Hệ thống máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

b) Nhà, công trình xây dựng, các thiết bị, phương tiện phụ trợ phục vụ hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Báo cáo thống kê tài sản hàng năm của tổ chức cung cấp dịch vụ; hợp đồng thuê máy móc, thiết bị, nhà làm việc, phương tiện phụ trợ phục vụ hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

b) Định mức kinh tế kỹ thuật trang thiết bị đối với từng nội dung công việc điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

c) Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) Dự án điều tra, xây dựng khung giá các loại đất làm căn cứ để xây dựng bảng giá đất tại các địa phương và thuyết minh Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 3

1. Chỉ số đánh giá:

a) Số lượng nhân lực trực tiếp thực hiện điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

b) Chất lượng nhân lực trực tiếp thực hiện điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Số liệu thống kê, hồ sơ nhân sự và hợp đồng lao động (nếu có) của tổ chức cung ứng dịch vụ;

b) Định mức kinh tế kỹ thuật về công lao động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

c) Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) Dự án điều tra, xây dựng khung giá các loại đất làm căn cứ để xây dựng bảng giá đất tại các địa phương và thuyết minh Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 4

1. Chỉ số đánh giá:

a) Tuân thủ quy trình kỹ thuật điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

b) Tuân thủ định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Quy trình xây dựng, điều chỉnh khung giá đất (sau đây gọi là Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT);

b) Thông tư số 70/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, điều chỉnh khung giá đất (sau đây gọi là Thông tư số 70/2017/TT-BTNMT);

c) Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) Dự án điều tra, xây dựng khung giá các loại đất làm căn cứ để xây dựng bảng giá đất tại các địa phương và thuyết minh Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 5

1. Chỉ số đánh giá:

a) Danh mục các loại thông tin theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT;

b) Tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin dữ liệu, tài liệu thu thập, điều tra liên quan tới xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất;

c) Nguồn gốc của thông tin, dữ liệu đầu vào;

d) Đảm bảo an toàn dữ liệu, bảo mật dữ liệu theo quy định trong quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Danh mục thông tin như Điều 7 Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT với số lượng theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 3 Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT;

b) Thông tin, dữ liệu thu thập trong quá trình điều tra (ghi rõ nguồn gốc), báo cáo tình hình xử lý thông tin điều tra của tổ chức cung ứng dịch vụ;

c) Việc bảo quản, sao lưu thông tin, dữ liệu, số liệu điều tra của tổ chức cung ứng dịch vụ;

d) Các quy định về bảo mật dữ liệu trong quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.

Điều 10. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 6

1. Chỉ số đánh giá:

a) Báo cáo kịp thời các diễn biến trong quá trình thực hiện dịch vụ; sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu đột xuất của cơ quan đặt hàng;

b) Tự kiểm tra, giám sát quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất của tổ chức cung ứng dịch vụ.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Báo cáo định kỳ, đột xuất của tổ chức cung ứng dịch vụ;

b) Biên bản kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan đặt hàng, hồ sơ nghiệm thu hàng năm của cấp quản lý, các văn bản liên quan khác về yêu cầu đột xuất của cơ quan đặt hàng (nếu có);

c) Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra của tổ chức cung ứng dịch vụ; biên bản hoặc tài liệu, chứng cứ ghi nhận việc tự kiểm tra, giám sát của tổ chức cung ứng dịch vụ.

Điều 11. Chỉ số và căn cứ đánh giá Tiêu chí 7

1. Chỉ số đánh giá:

a) Chất lượng sản phẩm;

b) Số lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) Dự án điều tra, xây dựng khung giá các loại đất làm căn cứ để xây dựng bảng giá đất tại các địa phương và thuyết minh Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Biên bản kiểm tra, nghiệm thu đánh giá của cơ quan đặt hàng hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Báo cáo thống kê, giao nộp sản phẩm của tổ chức cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất đã được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất

1. Việc đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất theo phương thức chấm điểm. Thang điểm đánh giá là 100. Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng chỉ số đánh giá trong tiêu chí quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và thể hiện chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công được đánh giá theo 4 mức:

a) Tốt: Khi tổng số điểm đạt từ 80 điểm trở lên, trong đó tổng số điểm của các chỉ số đánh giá quy định tại Điều 11 Thông tư này đạt từ 18 điểm trở lên;

b) Khá: Khi tổng số điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm, trong đó tổng số điểm của các chỉ số đánh giá quy định tại Điều 11 Thông tư này đạt từ 15 điểm trở lên;

c) Đạt: Khi tổng số điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm, trong đó tổng số điểm của các chỉ số đánh giá quy định tại Điều 11 Thông tư này đạt từ 12 điểm trở lên;

d) Không đạt: Khi tổng số điểm nhỏ hơn 50 điểm, hoặc tổng số điểm của các chỉ số đánh giá quy định tại Điều 11 Thông tư này nhỏ hơn 12 điểm.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2019.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm đánh giá (Tối đa 100 điểm)	Tài liệu kiểm chứng
I	**Tiêu chí 1: Chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**5**	1. Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; giấy phép, đăng ký kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ. 2. Hồ sơ năng lực của tổ chức cung ứng dịch vụ.
1	**Thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng nhiệm vụ về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**2**	
	Có	2	
	Không	0	
2	**Kinh nghiệm cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất (Số lượng kỳ thực hiện cung ứng dịch vụ - chủ trì hoặc phối hợp)**	**3**	
	Chủ trì trên 2 kỳ	3	
	Phối hợp trên 2 kỳ	2	
	Chủ trì hoặc phối hợp nhỏ hơn 2 kỳ	0	
II	**Tiêu chí 2: Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**10**	1. Báo cáo thống kê tài sản hàng năm của tổ chức cung cấp dịch vụ; hợp đồng thuê máy móc, thiết bị, nhà làm việc, phương tiện phụ trợ phục vụ hoạt động điều tra, thu thập thông
3	**Hệ thống máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**6**	

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm đánh giá (Tối đa 100 điểm)	Tài liệu kiểm chứng
	Đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định trong định mức kinh tế-kỹ thuật	6	tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất. 2. Danh mục máy móc thiết bị, nhà làm việc, phương tiện phụ trợ của tổ chức cung ứng dịch vụ so với định mức thiết bị đã ban hành tại Thông tư số 70/2017/TT-BTNMT. 3. Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) kèm Thuyết minh Dự án đã được phê duyệt.
	Đáp ứng được trên 70% yêu cầu	2	
	Không đáp ứng yêu cầu	0	
4	**Nhà, công trình xây dựng, các thiết bị, phương tiện phụ trợ phục vụ hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**4**	
	Đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định trong định mức kinh tế-kỹ thuật	4	
	Đáp ứng được trên 70% yêu cầu	2	
	Không đáp ứng yêu cầu	0	
III	**Tiêu chí 3: Nhân lực thực hiện hoạt động điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**12**	1. Số liệu thống kê, hồ sơ nhân sự và hợp đồng lao động (nếu có) của tổ chức cung ứng dịch vụ. 2. Thông tư số 70/2017/TT-BTNMT. 3. Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) kèm Thuyết minh Dự án đã được phê duyệt.
5	**Số lượng nhân lực trực tiếp thực hiện điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	5	
	Hoàn toàn đủ đáp ứng quy định trong định mức kinh tế, kỹ thuật	5	
	Không đủ đáp ứng	1	
6	**Chất lượng nhân lực trực tiếp thực hiện điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	7	
	Có chuyên môn ngạch bậc đủ đáp ứng quy định trong định mức kinh tế, kỹ thuật	7	
	Không đủ đáp ứng	2	

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm đánh giá (Tối đa 100 điểm)	Tài liệu kiểm chứng
IV	**Tiêu chí 4: Tuân thủ quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**18**	1. Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT. 2. Thông tư số 70/2017/TT-BTNMT. 3. Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) kèm Thuyết minh Dự án đã được phê duyệt.
7	**Tuân thủ quy trình kỹ thuật về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	10	
	Tuân thủ đúng, đầy đủ các bước trong quy trình kỹ thuật về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất	10	
	Không tuân thủ đầy đủ quy trình kỹ thuật về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất	3	
8	**Tuân thủ định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất trong việc lập dự toán nhiệm vụ**	8	
	Tuân thủ đúng, đầy đủ định mức kinh tế - kỹ thuật trong việc lập dự toán nhiệm vụ	8	
	Không tuân thủ đầy đủ định mức kinh tế - kỹ thuật trong việc lập dự toán nhiệm vụ	2	
V	**Tiêu chí 5: Thông tin, dữ liệu điều tra**	**20**	1. Danh mục thông tin như Điều 7 với số lượng theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 3 Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT. 2. Thông tin, dữ liệu thu thập trong quá trình điều tra (ghi rõ nguồn
9	**Danh mục các loại thông tin theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 69/2017/TT-BTNMT**	**5**	
	Thu thập đầy đủ 100% số lượng được phê duyệt	5	
	Thu thập được từ 70% so với số lượng được phê duyệt	2	

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm đánh giá (Tối đa 100 điểm)	Tài liệu kiểm chứng
	Thu thập được nhỏ hơn 70% so với số lượng được phê duyệt	0	gốc), báo cáo tình hình xử lý thông tin điều tra của tổ chức cung ứng dịch vụ. 3. Quy định về bảo quản, sao lưu thông tin, dữ liệu, số liệu điều tra của tổ chức cung ứng dịch vụ. 4. Các quy định về bảo mật dữ liệu trong quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất.
10	**Tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin dữ liệu, tài liệu thu thập, điều tra liên quan tới xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**5**	
	100% dữ liệu, tài liệu thu thập, điều tra được phân tích, xử lý	5	
	Từ 70% trở lên dữ liệu, tài liệu thu thập, điều tra được phân tích, xử lý	3	
	Nhỏ hơn 70% dữ liệu, tài liệu thu thập, điều tra được phân tích, xử lý	0	
11	**Nguồn gốc của thông tin, dữ liệu, đầu vào**	**5**	
	100% tài liệu, số liệu thu thập có nguồn gốc rõ ràng, xác thực	5	
	Tài liệu, số liệu thu thập có nguồn gốc rõ ràng, xác thực từ 70% trở lên	3	
	Nguồn gốc tài liệu, số liệu thu thập không đầy đủ, rõ ràng (< 70%)	0	
12	**Đảm bảo an toàn dữ liệu, bảo mật dữ liệu theo quy định trong quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**5**	
	Đảm bảo an toàn dữ liệu	5	
	Không đảm bảo an toàn dữ liệu	0	
VI	**Tiêu chí 6: Thái độ phục vụ trong quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**15**	1. Báo cáo định kỳ, đột xuất của tổ chức cung ứng dịch vụ.

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm đánh giá (Tối đa 100 điểm)	Tài liệu kiểm chứng
13	**Báo cáo kịp thời các diễn biến trong quá trình thực hiện dịch vụ; sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu đột xuất của cơ quan đặt hàng**	**8**	2. Biên bản kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan đặt hàng; hồ sơ nghiệm thu hàng năm của cấp quản lý; các văn bản liên quan khác về yêu cầu đột xuất của cơ quan đặt hàng (nếu có). 3. Kế hoạch tự kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra của tổ chức cung ứng dịch vụ; biên bản hoặc tài liệu, chứng cứ ghi nhận việc tự kiểm tra, giám sát của tổ chức cung ứng dịch vụ.
	Báo cáo kịp thời, đúng tiến độ, đáp ứng 100% yêu cầu của đơn vị đặt hàng	8	
	Báo cáo chưa kịp thời, đúng tiến độ, đáp ứng từ 60% yêu cầu của đơn vị đặt hàng	4	
	Không kịp thời, đúng tiến độ - đáp ứng dưới 60% yêu cầu của đơn vị đặt hàng	0	
14	**Tự kiểm tra, giám sát quá trình điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất của tổ chức cung ứng dịch vụ**	**7**	
	Tổ chức cung ứng dịch vụ đã thực hiện giám sát, đôn đốc tiến độ thường xuyên, đầy đủ	7	
	Tổ chức cung ứng dịch vụ có thực hiện giám sát, đôn đốc tiến độ nhưng chưa đầy đủ (thiếu 1 trong các loại tài liệu kiểm chứng)	2	
	Tổ chức cung ứng dịch vụ không thực hiện giám sát, đôn đốc tiến độ	0	
VII	**Tiêu chí 7: Sản phẩm của dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất**	**20**	1. Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) kèm thuyết minh Dự án đã được phê duyệt 2. Biên bản kiểm tra, nghiệm thu đánh giá của
15	**Chất lượng sản phẩm**	**10**	
	Tốt	10	
	Khá	7	

Số TT	Tiêu chí, chỉ số	Điểm đánh giá (Tối đa 100 điểm)	Tài liệu kiểm chứng
	Đạt	5	cơ quan đặt hàng hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. 3. Báo cáo thống kê, giao nộp sản phẩm của tổ chức cung ứng dịch vụ điều tra, thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh khung giá các loại đất đã được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.
	Không đạt	0	
16	**Số lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện**	10	
	Đầy đủ 100% và đúng tiến độ	10	
	Đầy đủ 100% và không đúng tiến độ	7	
	Số lượng đạt trên 70% và đúng tiến độ	5	
	Số lượng đạt trên 70% và không đúng tiến độ	1	
	Số lượng nhỏ hơn 70%	0	
	Tổng số	**100**	